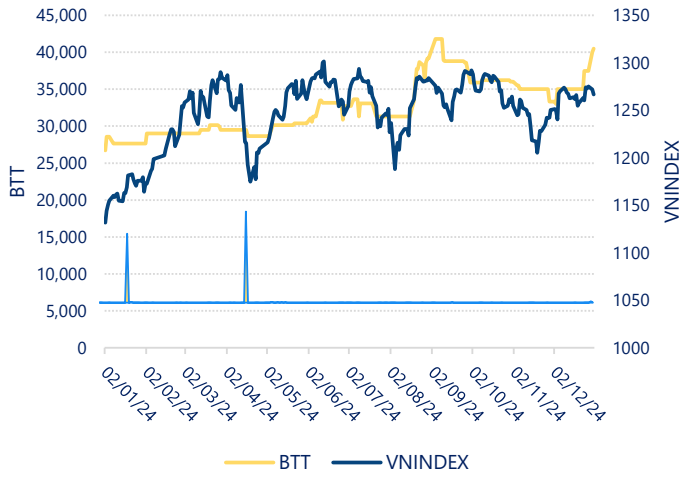
KẾT QUẢ KINH DOANH

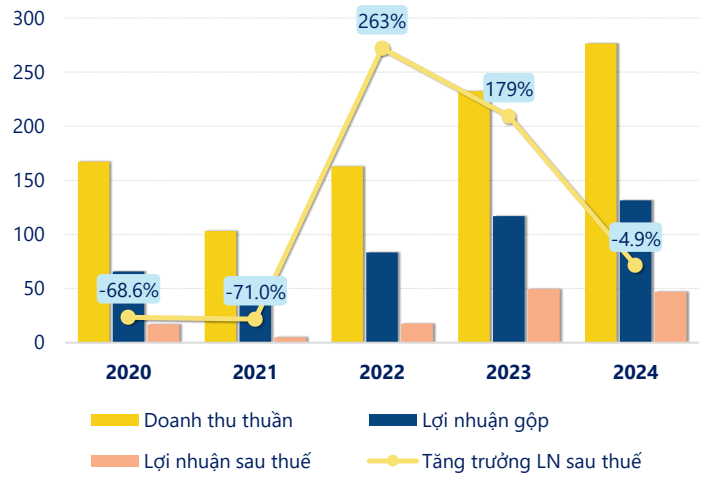
Ngày 31/12/2024	40,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	15.7%	**12.8%**	**20.5%**

Lịch sử giá



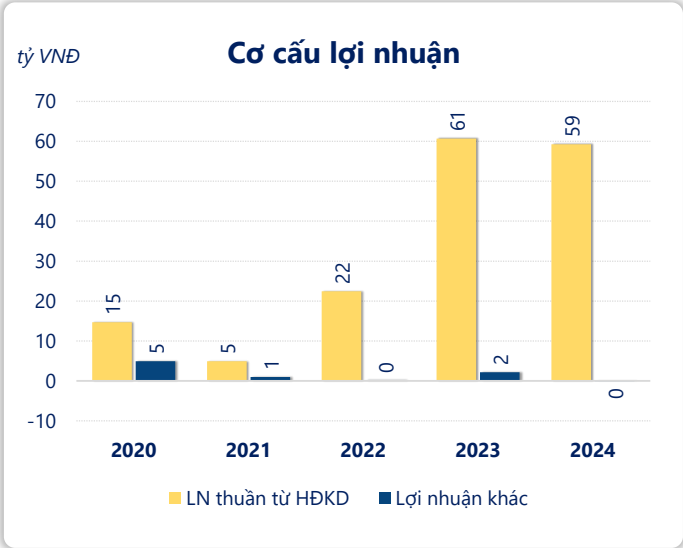
	2024	YoY
DT thuần	**277** *tỷ VNĐ*	▲ 45.0 ▲ 19.0%
LN gộp	**132** *tỷ VNĐ*	▲ 15.0 ▲ 12.4%
LN thuần	**59.3** *tỷ VNĐ*	▼ 1.40 ▼ 2.3%
LN sau thuế	**47.0** *tỷ VNĐ*	▼ 2.40 ▼ 4.9%
ROE	**12.1%**	+/- YoY ▼ 1.1%
ROA	**9.2%**	+/- YoY ▼ 0.9%

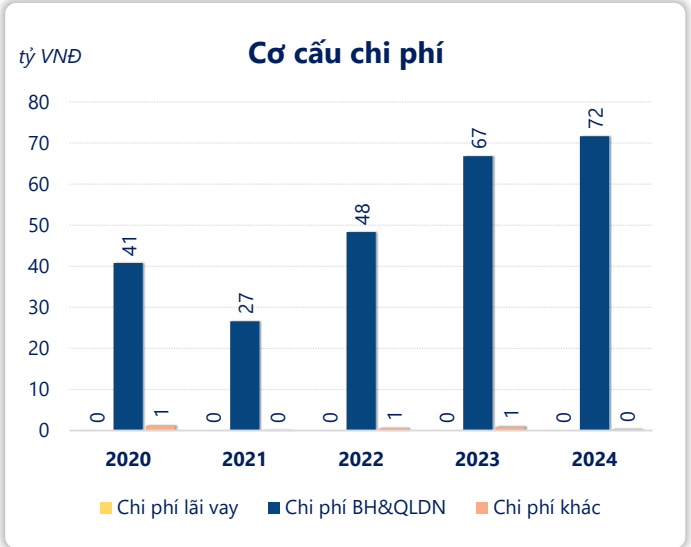
Kết quả kinh doanh



Năm **2024**, **BTT** ghi nhận doanh thu thuần **276.5** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **46.98** tỷ đồng, lần lượt **tăng 19.0%** và **giảm 4.94%** so với năm trước.

Mặc dù doanh thu thuần tăng nhưng lợi nhuận sau thuế giảm, có thể do sự gia tăng của chi phí hoạt động hoặc giá vốn. Tuy nhiên, với **ROE** là **12.1%** thì công ty vẫn có mức sinh lợi ổn định và đảm bảo hiệu quả hoạt động.

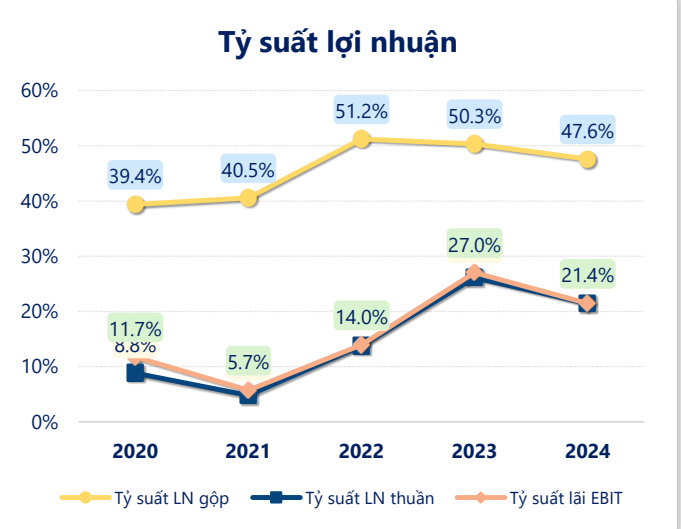


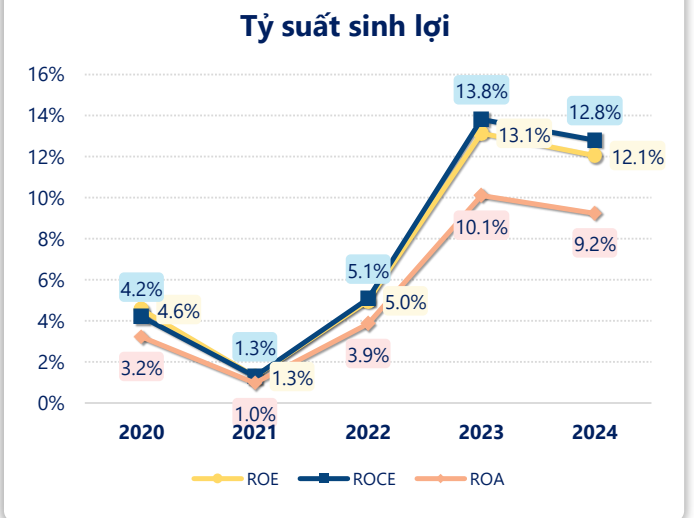


Năm **2024**, **BTT** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **59.28** tỷ đồng, **giảm đi 1.38** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (32.42 tỷ đồng) là 26.86 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

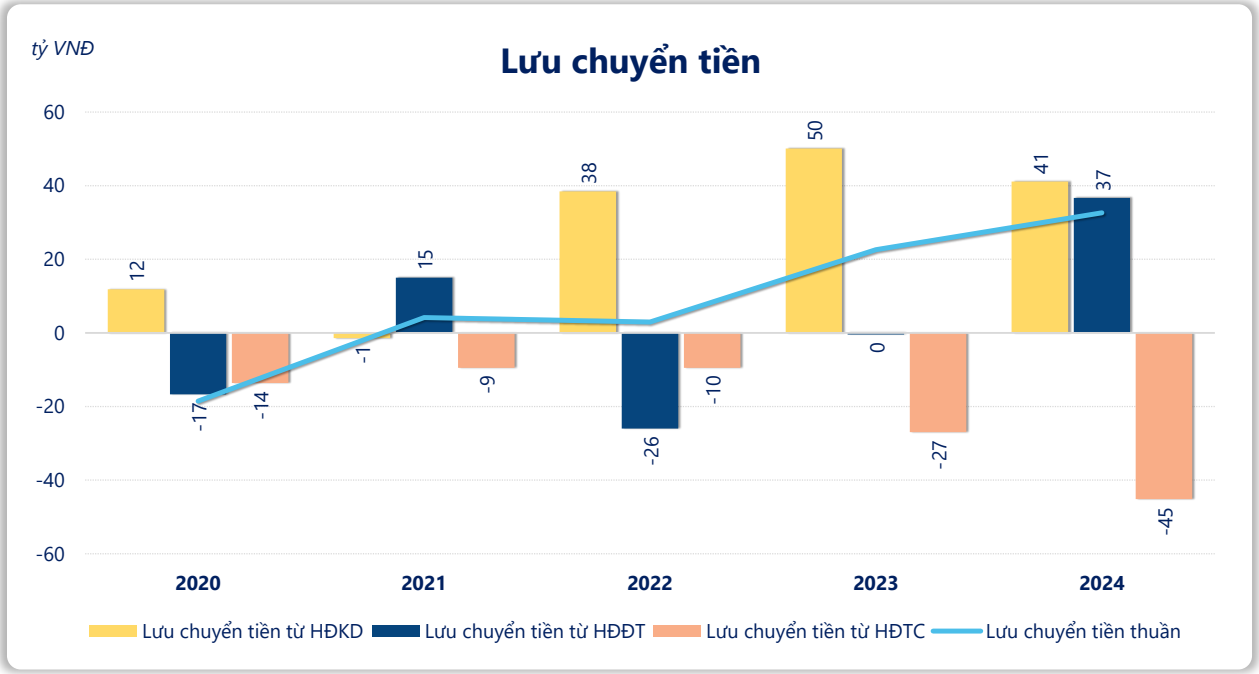
Chi phí lãi vay không đổi so với năm trước bằng **0.00** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên** ở mức **71.63** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.36** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của BTT năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **12.1%**, tuy nhiên vẫn **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**167**	**103**	**163**	**232**	**277**
Giá vốn hàng bán	101	61.4	79.4	115	145
Lợi nhuận gộp	**65.8**	**41.9**	**83.4**	**117**	**132**
Doanh thu HĐTC	7.02	4.98	4.83	7.34	5.26
Chi phí TC	8.68	11.1	5.73	2.11	2.85
Chi phí lãi vay	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
LN trong công ty LKLD	-8.67	-4.17	-11.7	5.19	-3.09
Chi phí bán hàng	19.2	12.3	25.2	38.3	40.4
Chi phí QLDN	21.6	14.3	23.1	28.4	31.2
LN thuần từ HĐKD	**14.7**	**4.95**	**22.5**	**60.7**	**59.3**
Lợi nhuận khác	4.91	0.96	0.24	2.14	-0.03
LN trước thuế	**19.6**	**5.91**	**22.7**	**62.8**	**59.2**
Lợi nhuận sau thuế	**16.8**	**4.88**	**17.7**	**49.4**	**47.0**
LNST của CĐ cty mẹ	**16.6**	**4.66**	**18.0**	**49.5**	**46.9**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của BTT bằng **32.63** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (22.59 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **41.14** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **36.68** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-45.18** tỷ đồng.